

Phụ lục số I
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN (ĐỢT 1)
CÔNG TRÌNH: Đường từ tổ 3 thôn Cát cũ đến nóc Ông Thi

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng)

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị (đợt 1)	Giá trị quyết toán (đợt 1)	Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán (+) hoặc (-)	Chênh lệch giữa quyết toán và đề nghị (+) hoặc (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)
I	Chi phí xây dựng	14.441.269.000	14.243.246.000	14.243.246.000	-198.023.000	0
II	Chi phí quản lý dự án	351.651.000	351.651.000	351.651.000	0	0
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.103.373.000	1.091.943.000	1.091.943.000	-11.430.000	0
1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập BC NCKT	139.359.831	139.359.000	139.359.000	-831	0
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát BCNCKT	5.674.733	5.674.000	5.674.000	-733	0
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	89.406.896	88.351.000	88.351.000	-1.055.896	0
4	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế BVTC	149.426.000	149.426.000	149.426.000	0	0
5	Chi phí giám sát công tác khảo sát TKBVTC	6.084.627	6.084.000	6.084.000	-627	0
6	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	184.559.940	184.559.000	184.559.000	-940	0
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	442.624.000	432.254.000	432.254.000	-10.370.000	0
8	Chi phí lập HSMT, ĐGHSDT XD	41.749.000	41.749.000	41.749.000	0	0
9	Chi phí thẩm tra TKBVTC	22.587.933	22.587.900	22.587.900	-33	0
10	Chi phí thẩm tra dự toán	21.900.040	21.899.100	21.899.100	-940	0
IV	Chi phí khác	521.232.000	171.665.000	171.665.000	-349.567.000	0
1	Chi thẩm định dự án ĐT	3.622.500	3.622.000	3.622.000	-500	0
2	Chi thẩm định TKBVTC	4.170.198	4.170.000	4.170.000	-198	0
3	Chi thẩm định dự toán	4.055.422	4.055.000	4.055.000	-422	0
4	Chi phí thẩm định HSMT XL	6.376.449	6.376.000	6.376.000	-449	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị (đợt 1)	Giá trị quyết toán (đợt 1)	Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán (+) hoặc (-)	Chênh lệch giữa quyết toán và đề nghị (+) hoặc (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu XL	6.376.449	6.376.000	6.376.000	-449	0
6	Chi phí rà phá bom mìn, vật liệu nổ	75.671.000	75.671.000	75.671.000	0	0
7	Chi phí trích đo bản đồ địa chính	233.202.000		0	-233.202.000	0
8	Chi phí bảo hiểm công trình	39.181.000	39.181.000	39.181.000	0	0
9	Chi phí thẩm tra quyết toán	32.214.356	32.214.000	32.214.000	-356	0
10	Chi phí kiểm toán công trình	116.362.626		0	-116.362.626	0
V	Chi phí bồi thường GPMB	3.600.000.000		0	-3.600.000.000	0
VI	Dự phòng chi	107.475.000			-107.475.000	0
	Tổng cộng	20.125.000.000	15.858.505.000	15.858.505.000	-4.266.495.000	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị (đợt 1)	Giá trị quyết toán (đợt 1)	Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán (+) hoặc (-)	Chênh lệch giữa quyết toán và đề nghị (+) hoặc (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị (đợt 1)	Giá trị quyết toán (đợt 1)	Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán (+) hoặc (-)	Chênh lệch giữa quyết toán và đề nghị (+) hoặc (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)

Phục lục số II
BẢNG CÔNG NỢ

CÔNG TRÌNH: Đường từ tổ 3 thôn Cát cũ đến nóc Ông Thi

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán (đợt 1)	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	
I		Chi phí xây dựng	14.243.246.000	14.029.343.000	0	213.903.000
1	Công ty TNHH Hoàng Yên	Chi phí xây lắp	14.243.246.000	14.029.343.000	0	213.903.000
II		Chi phí quản lý dự án	351.651.000	351.651.000	0	0
1	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Trà Bồng	Quản lý dự án	351.651.000	351.651.000	0	0
III		Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.091.943.000	1.058.544.000	0	33.399.000
1	Công ty TNHH tư vấn xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	Chi phí khảo sát, lập dự án	227.710.000	227.710.000	0	0
2	Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Đông Đô	Chi phí giám sát KS bước lập BCNCKT	5.674.000	5.674.000	0	0
3	Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Đông Đô	Chi phí giám sát khảo sát bước lập TKBVTC	6.084.000	6.084.000	0	0
4	Công ty TNHH tư vấn xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	Chi phí KS, lập thiết kế và dự DT	333.985.000	300.586.000	0	33.399.000
5	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Đức Việt	Chi phí giám sát kỹ thuật	432.254.000	432.254.000	0	0
6	Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Đông Đô	Chi phí thẩm tra TK-DT	44.487.000	44.487.000	0	0
7	Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng 368 Hà Nội	Thanh toán tiền lập HSMT, đánh giá HSDT	41.749.000	41.749.000	0	0
IV		Chi phí khác	171.665.000	171.665.000	0	0
1	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Trà Bồng	Chi thẩm định dự án ĐT	3.622.000	3.622.000	0	0
2	Sở giao thông vận tải Quảng Ngãi	Chi thẩm định TKBVTC	4.170.000	4.170.000		
3	Sở giao thông vận tải Quảng Ngãi	Chi thẩm định dự toán	4.055.000	4.055.000		
4	Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Trà Bồng	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả trúng thầu	12.752.000	12.752.000		

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán (đợt 1)	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	
5	Trung tâm xử lý bom mìn và môi trường -QK5	Chi phí rà phá bom mìn, vật liệu nổ	75.671.000	75.671.000		
6	Công ty Bảo hiểm MIC Quảng Ngãi	Chi phí bảo hiểm công trình	39.181.000	39.181.000		
7	Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Trà Bồng	Chi phí thẩm tra quyết toán	32.214.000	32.214.000		
	Tổng cộng		15.858.505.000	15.611.203.000	0	247.302.000